

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 432/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục mã định danh tài liệu, mã định danh hồ sơ của
các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu và trao đổi văn bản điện tử với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1012/TTr-SNV ngày 30 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Danh mục mã định danh tài liệu, mã định danh hồ sơ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Phụ lục I, II kèm theo.

Điều 2. Mã định danh tài liệu, mã định danh hồ sơ được quy định tại Điều 1 Quyết định này nhằm phục vụ trao đổi, quản lý văn bản điện tử và quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử, kết nối, tích hợp, liên thông giữa các hệ thống thông tin của tỉnh theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan cập nhật hệ thống mã định danh tài liệu, mã định danh hồ sơ trên các hệ thống thông tin của tỉnh bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả.

2. Giao Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Quyết định này; tổng hợp kết quả thực hiện và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung mã định danh tài liệu, mã định danh hồ sơ khi có yêu cầu.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có đơn vị trực thuộc tiếp tục quy định mã định danh tài liệu, hồ sơ của đơn vị trực thuộc mình bảo đảm nguyên tắc không trùng lặp trong hệ thống.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục I
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH TÀI LIỆU, MÃ ĐỊNH DANH HỒ SƠ CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số 432/QĐ-UBND

ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Cấp mã định danh	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Chữ viết tắt của cơ quan ban hành	Mã định danh tài liệu	Mã định danh hồ sơ
I	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH	Cấp 1	K32	HĐND	K32.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản ¹	K32.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ ²
II	HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ					
1.	HĐND phường Nha Trang	Cấp 2	K32.212	HĐND	K32.212.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.212.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

¹ Ký hiệu văn bản thực hiện theo điểm b khoản 3 Mục II Phần I Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, bao gồm: chữ viết tắt tên loại văn bản (đối với văn bản có tên loại) và chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản (ví dụ: Quyết định của HĐND tỉnh: QĐ.HĐND). Đối với công văn, ký hiệu bao gồm: chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành văn bản và chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc lĩnh vực được giải quyết (ví dụ: Công văn do Văn phòng tham mưu HĐND: HĐND.VP). Ký hiệu viết tắt tên đơn vị soạn thảo hoặc lĩnh vực được giải quyết do cơ quan, tổ chức tự quy định. Các chữ viết tắt cách nhau bằng dấu “.”.

² Số và ký hiệu hồ sơ thực hiện theo khoản 2 Mục I Phụ lục V kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP, bao gồm: Số thứ tự được đánh (bằng số Ả Rập) và ký hiệu (bằng các chữ viết tắt) của đề mục lớn (ví dụ: Hồ sơ của Phòng Hành chính - Tổ chức - Quản trị: 01.HCTCQT). Ký hiệu các đề mục lớn do cơ quan, tổ chức tự quy định.

2.	HĐND phường Nam Nha Trang	Cấp 2	K32.211	HĐND	K32.211.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.211.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
3.	HĐND phường Bắc Nha Trang	Cấp 2	K32.204	HĐND	K32.204.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.204.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
4.	HĐND phường Tây Nha Trang	Cấp 2	K32.216	HĐND	K32.216. Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.216.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
5.	HĐND phường Cam Ranh	Cấp 2	K32.206	HĐND	K32.206.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.206.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
6.	HĐND phường Bắc Cam Ranh	Cấp 2	K32.203	HĐND	K32.203.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.203.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
7.	HĐND phường Cam Linh	Cấp 2	K32.205	HĐND	K32.205.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.205.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
8.	HĐND phường Ba Ngòi	Cấp 2	K32.201	HĐND	K32.201.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.201.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
9.	HĐND xã Nam Cam Ranh	Cấp 2	K32.241	HĐND	K32.241.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.241.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

10.	HĐND phường Ninh Hòa	Cấp 2	K32.214	HĐND	K32.214.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.214.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
11.	HĐND phường Đông Ninh Hòa	Cấp 2	K32.209	HĐND	K32.209.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.209.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
12.	HĐND phường Hòa Thắng	Cấp 2	K32.210	HĐND	K32.210.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.210.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
13.	HĐND xã Tân Định	Cấp 2	K32.252	HĐND	K32.252.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.252.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
14.	HĐND xã Hòa Trí	Cấp 2	K32.235	HĐND	K32.235.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.235.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
15.	HĐND xã Nam Ninh Hòa	Cấp 2	K32.243	HĐND	K32.243.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.243.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
16.	HĐND xã Bắc Ninh Hòa	Cấp 2	K32.222	HĐND	K32.222.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.222.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
17.	HĐND xã Tây Ninh Hòa	Cấp 2	K32.255	HĐND	K32.255.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.255. Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
18.	HĐND xã Diên Khánh	Cấp 2	K32.229	HĐND	K32.229.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.229.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

19.	HĐND xã Diên Lạc	Cấp 2	K32.230	HĐND	K32.230.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.230.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
20.	HĐND xã Diên Điền	Cấp 2	K32.228	HĐND	K32.228.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.228.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
21.	HĐND xã Suối Hiệp	Cấp 2	K32.251	HĐND	K32.251.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.251.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
22.	HĐND xã Diên Thọ	Cấp 2	K32.232	HĐND	K32.232.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.232.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
23.	HĐND xã Diên Lâm	Cấp 2	K32.231	HĐND	K32.231.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.231.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
24.	HĐND xã Khánh Sơn	Cấp 2	K32.237	HĐND	K32.237.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.237.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
25.	HĐND xã Tây Khánh Sơn	Cấp 2	K32.253	HĐND	K32.253.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.253.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
26.	HĐND xã Đông Khánh Sơn	Cấp 2	K32.234	HĐND	K32.234. Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.234.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
27.	HĐND xã Cam Lâm	Cấp 2	K32.225	HĐND	K32.225.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.225.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

28.	HĐND xã Suối Dầu	Cấp 2	K32.250	HĐND	K32.250.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.250.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
29.	HĐND xã Cam Hiệp	Cấp 2	K32.224	HĐND	K32.224.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.224.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
30.	HĐND xã Cam An	Cấp 2	K32.223	HĐND	K32.223.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.223.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
31.	HĐND xã Vạn Ninh	Cấp 2	K32.261	HĐND	K32.261.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.261.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
32.	HĐND xã Đại Lãnh	Cấp 2	K32.233	HĐND	K32.233.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.233.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
33.	HĐND xã Tu Bông	Cấp 2	K32.259	HĐND	K32.259.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.259.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
34.	HĐND xã Vạn Thắng	Cấp 2	K32.262	HĐND	K32.262.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.262.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
35.	HĐND xã Vạn Hưng	Cấp 2	K32.260	HĐND	K32.260.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.260.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
36.	HĐND xã Khánh Vĩnh	Cấp 2	K32.238	HĐND	K32.238.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.238.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

37.	HĐND xã Bắc Khánh Vĩnh	Cấp 2	K32.221	HĐND	K32.221.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.221.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
38.	HĐND xã Nam Khánh Vĩnh	Cấp 2	K32.242	HĐND	K32.242.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.242.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
39.	HĐND xã Tây Khánh Vĩnh	Cấp 2	K32.254	HĐND	K32.254.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.254.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
40.	HĐND xã Trung Khánh Vĩnh	Cấp 2	K32.258	HĐND	K32.258.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.258.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
41.	HĐND đặc khu Trường Sa	Cấp 2	K32.265	HĐND	K32.265.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.265.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
42.	HĐND phường Phan Rang	Cấp 2	K32.215	HĐND	K32.215.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.215.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
43.	HĐND phường Đông Hải	Cấp 2	K32.208	HĐND	K32.208.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.208.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
44.	HĐND phường Ninh Chữ	Cấp 2	K32.213	HĐND	K32.213.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.213.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
45.	HĐND phường Bảo An	Cấp 2	K32.202	HĐND	K32.202.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.202.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

46.	HĐND phường Đô Vinh	Cấp 2	K32.207	HĐND	K32.207.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.207.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
47.	HĐND xã Ninh Phước	Cấp 2	K32.245	HĐND	K32.245.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.245.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
48.	HĐND xã Phước Hữu	Cấp 2	K32.236	HĐND	K32.236.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.236.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
49.	HĐND xã Phước Hậu	Cấp 2	K32.249	HĐND	K32.249.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.249.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
50.	HĐND xã Thuận Nam	Cấp 2	K32.257	HĐND	K32.257.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.257.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
51.	HĐND xã Cà Ná	Cấp 2	K32.226	HĐND	K32.226.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.226.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
52.	HĐND xã Phước Hà	Cấp 2	K32.248	HĐND	K32.248.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.248.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
53.	HĐND xã Phước Dinh	Cấp 2	K32.247	HĐND	K32.247.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.247.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
54.	HĐND xã Ninh Hải	Cấp 2	K32.244	HĐND	K32.244.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.244.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

55.	HĐND xã Xuân Hải	Cấp 2	K32.264	HĐND	K32.264.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.264.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
56.	HĐND xã Vĩnh Hải	Cấp 2	K32.263	HĐND	K32.263.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.263.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
57.	HĐND xã Thuận Bắc	Cấp 2	K32.256	HĐND	K32.256.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.256.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
58.	HĐND xã Công Hải	Cấp 2	K32.227	HĐND	K32.227.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.227.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
59.	HĐND xã Ninh Sơn	Cấp 2	K32.246	HĐND	K32.246.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.246.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
60.	HĐND xã Lâm Sơn	Cấp 2	K32.239	HĐND	K32.239.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.239.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
61.	HĐND xã Anh Dũng	Cấp 2	K32.217	HĐND	K32.217.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.217.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
62.	HĐND xã Mỹ Sơn	Cấp 2	K32.240	HĐND	K32.240.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.240.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
63.	HĐND xã Bác Ái Đông	Cấp 2	K32.219	HĐND	K32.219.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.219.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

64.	HĐND xã Bác Ái	Cấp 2	K32.218	HĐND	K32.218.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.218.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
65.	HĐND xã Bác Ái Tây	Cấp 2	K32.220	HĐND	K32.220.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	K32.220.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

Phụ lục II
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH TÀI LIỆU, MÃ ĐỊNH DANH HỒ SƠ CỦA UBND TỈNH, CÁC CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số 432/QĐ-UBND
 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Cấp mã định danh	Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức	Chữ viết tắt của cơ quan ban hành	Mã định danh tài liệu	Mã định danh hồ sơ
I	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	Cấp 1	H32	UBND	H32.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản ³	H32.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ ⁴
II	CÁC SỞ, BAN NGÀNH					
1	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Cấp 2	H32.22	VPĐBQH	H32.22.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.22.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
2	Văn phòng UBND tỉnh	Cấp 2	H32.21	VPUBND	H32.21.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.21.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

³ Ký hiệu văn bản thực hiện theo điểm b khoản 3 Mục II Phần I Phụ lục I kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư: Bao gồm chữ viết tắt tên loại văn bản và chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản (ví dụ: Quyết định của UBND tỉnh: QĐ.UBND). Đối với công văn, ký hiệu bao gồm chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn và chữ viết tắt tên cơ quan soạn thảo hoặc lĩnh vực được giải quyết (ví dụ: Công văn do Văn phòng tham mưu cho UBND tỉnh: VP.UBND).

⁴ Số và ký hiệu hồ sơ thực hiện theo khoản 2 Mục I Phụ lục V kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP: Số thứ tự được đánh bằng số Ả Rập và ký hiệu (bằng các chữ viết tắt) của đề mục lớn (ví dụ: Hồ sơ của Văn phòng Sở Nội vụ: 01.VP.SNV).

3	Thanh tra tỉnh	Cấp 2	H32.20	TTT	H32.20.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.20.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
4	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cấp 2	H32.01	SDTTG	H32.01.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.01.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
5	Sở Tài chính	Cấp 2	H32.13	STC	H32.13.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.13.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
6	Sở Khoa học và Công nghệ	Cấp 2	H32.08	SKHCN	H32.08.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.08.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
7	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cấp 2	H32.25	SVHTTDL	H32.25.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.25.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cấp 2	H32.24	SNNMT	H32.24.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.24.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
11	Sở Xây dựng	Cấp 2	H32.18	SXD	H32.18.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.18.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
12	Sở Nội vụ	Cấp 2	H32.11	SNV	H32.11.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.11.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
13	Sở Y tế	Cấp 2	H32.19	SYT	H32.19.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.19.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp 2	H32.05	SGD	H32.05.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.05.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
15	Sở Tư pháp	Cấp 2	H32.16	STP	H32.16.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.16.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
16	Sở Công Thương	Cấp 2	H32.03	SCT	H32.03.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.03.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
17	Ban Quản lý Khu Kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa	Cấp 2	H32.90	KTTCN	H32.90.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.90.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

II	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh					
18	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Giao thông tỉnh Khánh Hòa	Cấp 2	H32.95	BCTNNGT	H32.95.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.95.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
19	Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa	Cấp 2	H32.42	BQLPT	H32.42.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.42.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
20	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Núi Chúa - Phước Bình	Cấp 2	H32.92	BQLNCPB	H32.92. Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.92.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
21	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Khánh Hòa	Cấp 2	H32.94	BQLDAĐT	H32.94.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.94.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
22	Trung tâm Phát triển Quỹ đất Khánh Hòa	Cấp 2	H32.27	PTQĐ	H32.27.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.27.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
23	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Khánh Hòa	Cấp 2	H32.91	TTXT	H32.91.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.91.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
24	Trường Đại học Khánh Hòa	Cấp 2	H32.49	TĐHKH	H32.49.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.49.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
25	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	Cấp 2	H32.48	TCĐYT	H32.48.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.48.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
26	Trường Cao đẳng Y tế Ninh Thuận	Cấp 2	H32.99	TYTNT	H32.99.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.99.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
27	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	Cấp 2	H32.47	TKTCN	H32.47.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.47.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
28	Trường Cao đẳng Công nghệ - Năng lượng Khánh Hòa	Cấp 2	H32.93	TCĐNL	H32.93.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.93.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
III	Doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập					

29	Công ty TNHH Nhà nước MTV Yên sào Khánh Hòa	Cấp 2	H32.105	CTYS	H32.105.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.105.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
30	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa	Cấp 2	H32.103	CTTL	H32.103.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.103.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
31	Công ty Cổ phần Cấp nước Ninh Thuận	Cấp 2	H32.101	CTNNT	H32.101.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.101.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
32	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Trầm Hương Khánh Hòa	Cấp 2	H32.104	CTLNTH	H32.104.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.104.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
33	Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Khánh Hòa	Cấp 2	H32.106	CTXSKH	H32.106.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.106.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
34	Công ty TNHH MTV Xô số Kiến thiết Ninh Thuận	Cấp 2	H32.96	CTXSNT	H32.96.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.96.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
35	Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Ninh Thuận	Cấp 2	H32.97	CTTLNT	H32.97.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.97.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
36	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Tân Tiến	Cấp 2	H32.98	CTLNTT	H32.98.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.98.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
IV	Cấp xã					
47	UBND phường Nha Trang	Cấp 2	H32.212	UBND	H32.212.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.212.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
48	UBND phường Nam Nha Trang	Cấp 2	H32.211	UBND	H32.211.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.211.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
49	UBND phường Bắc Nha Trang	Cấp 2	H32.204	UBND	H32.204.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.204.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
50	UBND phường Tây Nha Trang	Cấp 2	H32.216	UBND	H32.216.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.216.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

51	UBND phường Cam Ranh	Cấp 2	H32.206	UBND	H32.206.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.206.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
52	UBND phường Bắc Cam Ranh	Cấp 2	H32.203	UBND	H32.203.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.203.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
53	UBND phường Cam Linh	Cấp 2	H32.205	UBND	H32.205.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.205.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
54	UBND phường Ba Ngòi	Cấp 2	H32.201	UBND	H32.201.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.201.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
55	UBND xã Nam Cam Ranh	Cấp 2	H32.241	UBND	H32.241.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.241.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
56	UBND phường Ninh Hòa	Cấp 2	H32.214	UBND	H32.214.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.214.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
57	UBND phường Đông Ninh Hòa	Cấp 2	H32.209	UBND	H32.209.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.209.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
58	UBND phường Hòa Thắng	Cấp 2	H32.210	UBND	H32.210.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.210.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
59	UBND xã Tân Định	Cấp 2	H32.252	UBND	H32.252.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.252.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
60	UBND xã Hòa Trí	Cấp 2	H32.235	UBND	H32.235.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.235.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
61	UBND xã Nam Ninh Hòa	Cấp 2	H32.243	UBND	H32.243.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.243.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
62	UBND xã Bắc Ninh Hòa	Cấp 2	H32.222	UBND	H32.222.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.222.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
63	UBND xã Tây Ninh Hòa	Cấp 2	H32.255	UBND	H32.255.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.255.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

64	UBND xã Diên Khánh	Cấp 2	H32.229	UBND	H32.229.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.229.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
65	UBND xã Diên Lạc	Cấp 2	H32.230	UBND	H32.230.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.230.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
66	UBND xã Diên Điền	Cấp 2	H32.228	UBND	H32.228.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.228.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
67	UBND xã Suối Hiệp	Cấp 2	H32.251	UBND	H32.251.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.251.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
68	UBND xã Diên Thọ	Cấp 2	H32.232	UBND	H32.232.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.232.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
69	UBND xã Diên Lâm	Cấp 2	H32.231	UBND	H32.231.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.231.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
70	UBND xã Khánh Sơn	Cấp 2	H32.237	UBND	H32.237.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.237.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
71	UBND xã Tây Khánh Sơn	Cấp 2	H32.253	UBND	H32.253.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.253.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
72	UBND xã Đông Khánh Sơn	Cấp 2	H32.234	UBND	H32.234.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.234.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
73	UBND xã Cam Lâm	Cấp 2	H32.225	UBND	H32.225.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.225.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
74	UBND xã Suối Dầu	Cấp 2	H32.250	UBND	H32.250.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.250.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
75	UBND xã Cam Hiệp	Cấp 2	H32.224	UBND	H32.224.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.224.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
76	UBND xã Cam An	Cấp 2	H32.223	UBND	H32.223.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.223.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

77	UBND xã Vạn Ninh	Cấp 2	H32.261	UBND	H32.261.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.261.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
78	UBND xã Đại Lãnh	Cấp 2	H32.233	UBND	H32.233.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.233.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
79	UBND xã Tu Bông	Cấp 2	H32.259	UBND	H32.259. Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.259.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
80	UBND xã Vạn Thắng	Cấp 2	H32.262	UBND	H32.262.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.262.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
81	UBND xã Vạn Hưng	Cấp 2	H32.260	UBND	H32.260.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.260.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
82	UBND xã Khánh Vĩnh	Cấp 2	H32.238	UBND	H32.238.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.238.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
83	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	Cấp 2	H32.221	UBND	H32.221.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.221.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
84	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Cấp 2	H32.242	UBND	H32.242.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.242.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
85	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	Cấp 2	H32.254	UBND	H32.254.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.254.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
86	UBND xã Trung Khánh Vĩnh	Cấp 2	H32.258	UBND	H32.258.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.258.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
87	UBND đặc khu Trường Sa	Cấp 2	H32.265	UBND	H32.265.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.265.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
88	UBND phường Phan Rang	Cấp 2	H32.215	UBND	H32.215.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.215.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
89	UBND phường Đông Hải	Cấp 2	H32.208	UBND	H32.208.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.208.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

90	UBND phường Ninh Chữ	Cấp 2	H32.213	UBND	H32.213.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.213.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
91	UBND phường Bảo An	Cấp 2	H32.202	UBND	H32.202.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.202.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
92	UBND phường Đô Vinh	Cấp 2	H32.207	UBND	H32.207.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.207 Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
93	UBND xã Ninh Phước	Cấp 2	H32.245	UBND	H32.245.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.245.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
94	UBND xã Phước Hữu	Cấp 2	H32.236	UBND	H32.236.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.236.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
95	UBND xã Phước Hậu	Cấp 2	H32.249	UBND	H32.249.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.249.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
96	UBND xã Thuận Nam	Cấp 2	H32.257	UBND	H32.257.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.257.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
97	UBND xã Cà Ná	Cấp 2	H32.226	UBND	H32.226.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.226.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
98	UBND xã Phước Hà	Cấp 2	H32.248	UBND	H32.248.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.248.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
99	UBND xã Phước Dinh	Cấp 2	H32.247	UBND	H32.247.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.247.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
100	UBND xã Ninh Hải	Cấp 2	H32.244	UBND	H32.244.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.244.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
101	UBND xã Xuân Hải	Cấp 2	H32.264	UBND	H32.264.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.264.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
102	UBND xã Vĩnh Hải	Cấp 2	H32.263	UBND	H32.263.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.263.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ

103	UBND xã Thuận Bắc	Cấp 2	H32.256	UBND	H32.256.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.256.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
104	UBND xã Công Hải	Cấp 2	H32.227	UBND	H32.227.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.227.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
105	UBND xã Ninh Sơn	Cấp 2	H32.246	UBND	H32.246.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.246.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
106	UBND xã Lâm Sơn	Cấp 2	H32.239	UBND	H32.239 Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.239.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
107	UBND xã Anh Dũng	Cấp 2	H32.217	UBND	H32.217. Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.217.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
108	UBND xã Mỹ Sơn	Cấp 2	H32.240	UBND	H32.240.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.240.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
109	UBND xã Bác Ái Đông	Cấp 2	H32.219	UBND	H32.219.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.219.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
110	UBND xã Bác Ái	Cấp 2	H32.218	UBND	H32.218.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.218.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ
111	UBND xã Bác Ái Tây	Cấp 2	H32.220	UBND	H32.220.Năm ban hành văn bản.Số và ký hiệu văn bản	H32.220.Năm hình thành hồ sơ.Số và ký hiệu hồ sơ